

Bản án số: 151/2020/DS-PT

Ngày: 11/12/2020

V/v Tranh chấp HĐMB hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trí Dũng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Duy Lương

Ông Thiềm Quốc Khanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Khải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Bà Đỗ Thị Hồng Nhi - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 186/2020/TLPT-DS ngày 22 Tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2020/DS-ST ngày 13 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 275/2020/QĐ-PT ngày 03 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH CJ Vina A

Địa chỉ: Quốc lộ M, xã M, huyện B, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Minh S

Cùng địa chỉ với công ty.

(Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 28/10/2019)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị D

Địa chỉ: khu vực Q, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh B

Địa chỉ: khu vực Q, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

(Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 10/12/2020)

3. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 16/10/2018 Công ty TNHH CJ Vina A và bị đơn Bà Nguyễn Thị D có ký hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi số 13/MDF1/2018/HĐ-CJVN kèm theo phụ lục hợp đồng số 02-13/MDF1/2018/HĐ-CJVA ngày 16/10/2018. Theo nội dung của hợp đồng Công ty TNHH CJ Vina A đồng ý bán thức ăn chăn nuôi thủy sản nhãn hiệu Master cho Bà D theo hình thức bán hàng trả chậm, phương thức thanh toán tiền mặt hoặc chuyển khoản. Trong quá trình thực hiện hợp đồng do Bà D gặp khó khăn về tài chính nên Công ty đồng ý giao hàng trước và cho Bà D thanh toán sau khi nhận hàng. Tính đến ngày 19/01/2019 Bà D xác nhận công nợ thừa nhận còn nợ Công ty TNHH CJ Vina A số tiền mua thức ăn là 1.915.589.425 đồng. Mặc dù, Công ty TNHH CJ Vina A đã nhiều lần yêu cầu Bà D thanh toán nợ nhưng Bà D đều không thực hiện đã ảnh hưởng đến quyền lợi của Công ty. Nay Công ty TNHH CJ Vina A yêu cầu Bà Nguyễn Thị D có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH CJ Vina A tổng cộng số tiền là 2.218.092.921 đồng, trong đó gồm các khoản sau:

- Nợ gốc (tiền mua thức ăn) là: 1.915.589.425 đồng;
- Phạt hợp đồng là: $1.915.589.425 \text{ đồng} \times 8\% = 153.247.154 \text{ đồng}$;
- Tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 15/02/2019 đến ngày 15/7/2020 là: $1.915.589.425 \text{ đồng} \times 5.5\% / \text{năm} / 12 \times 17 \text{ tháng} = 149.256.000 \text{ đồng}$.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Bị đơn Bà Nguyễn Thị D thống nhất có ký kết hợp đồng số 13/MDF1/2018/HĐ-CJVN ngày 16/10/2018 mua thức ăn chăn nuôi thủy sản nhãn hiệu Master của Công ty TNHH CJ Vina A. Về hình thức mua bán, phương thức thanh toán cũng như số tiền Bà D còn nợ Công ty TNHH CJ Vina A như đại diện công ty trình bày là đúng. Do tình hình dịch bệnh Covid 19 ảnh hưởng đến hoạt động chăn nuôi cá dẫn đến Bà D gặp khó khăn về tài chính nên không có tiền để trả cho Công ty TNHH CJ Vina A.

Nay qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH CJ Vina A thì bị đơn Bà D cũng đồng ý trả cho Công ty TNHH CJ Vina A số tiền gốc là 1.915.589.425 đồng. Đối với số tiền phạt và tiền lãi chậm thanh toán thì Bà D không đồng ý trả cho Công ty TNHH CJ Vina A, yêu cầu công ty xem xét miễn phần tiền phạt và tiền lãi chậm thanh toán do bị ảnh hưởng tình hình dịch bệnh.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn xác định yêu cầu bị đơn Bà Nguyễn Thị D có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH CJ Vina A tổng cộng số tiền là 2.339.126.247 đồng, trong đó gồm các khoản sau:

- Nợ gốc (tiền mua thức ăn) là: 1.915.589.425 đồng;
- Tiền phạt hợp đồng là: $1.915.589.425 \text{ đồng} \times 8\% = 153.247.154 \text{ đồng}$;
- Tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 16/02/2019 đến ngày 16/7/2020 là: $1.915.589.425 \text{ đồng} \times 0.83\% / \text{tháng} \times 17 \text{ tháng} = 270.289.668 \text{ đồng}$.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2020/DS-ST ngày 13/8/2020 của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt tuyên xử như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH CJ Vina A.

Buộc bị đơn Bà Nguyễn Thị D có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH CJ Vina A số tiền mua thức ăn chưa thanh toán là 1.915.589.425 đồng; Phạt hợp đồng là $1.915.589.425 \text{ đồng} \times 8\% = 153.247.154 \text{ đồng}$; Tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 16/02/2019 đến ngày 16/7/2020 là: $1.915.589.425 \text{ đồng} \times 0.83\% / \text{tháng} \times 17 \text{ tháng} = 270.289.668 \text{ đồng}$. Tổng cộng số tiền bị đơn Bà D phải thanh toán cho nguyên đơn là 2.339.126.247đ (*Hai tỉ ba trăm ba mươi chín triệu một trăm hai mươi sáu ngàn hai trăm bốn mươi bảy đồng*).

Thời gian và phương thức thanh toán được giải quyết tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Kể từ khi nguyên đơn Công ty TNHH CJ Vina A có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn Bà Nguyễn Thị D chậm trả số tiền trên thì Bà D còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 25/8/2020 bị đơn Bà Nguyễn Thị D kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm, chỉ đồng ý trả số nợ gốc 1.915.589.425 đồng, trả dần thành 04 đợt; không đồng ý trả nợ lãi và lãi phạt hợp đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự còn lại vẫn giữ nguyên yêu cầu như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ phát biểu ý kiến như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Đương sự và Tòa án các cấp thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

- Về nội dung giải quyết vụ án: Bị đơn thống nhất nợ gốc. Căn cứ thỏa thuận của các bên theo hợp đồng mua bán thì mức lãi phạt vi phạm tối đa là 8%, bị đơn vi phạm nên phải chịu lãi phạt là có cơ sở. Đồng thời theo phụ lục hợp đồng thì các bên cũng có thỏa thuận là bên chậm trả phải có nghĩa vụ trả lãi nên buộc bị đơn trả lãi là đúng theo thỏa thuận. Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên đề nghị cấp phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự bác kháng cáo của bị đơn giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn Công ty TNHH CJ Vina A (gọi tắt là Công ty A) khởi kiện yêu cầu Bà Nguyễn Thị D thanh toán số tiền nợ gốc và nợ lãi phát sinh theo hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi mà các bên đã ký. Cấp sơ thẩm thụ lý, xét xử theo quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng mua bán là có căn cứ đúng pháp luật.

Qua xem xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn Bà Nguyễn Thị D, Hội đồng xét xử nhận thấy;

[2] Nguyên đơn và bị đơn có ký kết hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi số 13/MDF1/2018/CJVA và phụ lục hợp đồng số 02-13/MDF1/2018-HĐ-CJVA ngày 16/10/2018. Theo đó nguyên đơn là bên bán, bị đơn là bên mua hàng. Theo bảng chi tiết công nợ lập ngày 05/9/2019 thì bị đơn đã xác nhận tính đến ngày 19/01/2019 thì tổng số tiền mua thức ăn bị đơn còn nợ nguyên đơn là 1.915.589.425 đồng bao gồm 05 lần xuất hóa đơn, lần cuối cùng là vào ngày 19/12/2018 và bị đơn cũng thừa nhận số nợ này nên có cơ sở xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn số nợ gốc nêu trên và đây là tình tiết không cần phải chứng minh được quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Theo khoản 6 Phụ lục hợp đồng ngày 02-13/MDF1/2018-HĐ-CJVA ngày 16/10/2018 thì các bên có thỏa thuận lãi trong trường hợp chậm thanh toán. Theo đó nếu sau 45 kể từ ngày bị đơn có nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng mà không thanh toán thì phải chịu lãi suất. Đối chiếu với bảng chi tiết công nợ lập ngày 05/9/2019 thì ngày bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền mua hàng 1.915.589.425 đồng, ngày xuất hóa đơn cuối cùng là ngày 19/12/2018, ngày bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán là 31/01/2019 nhưng đã quá 45 ngày sau đó bị đơn vẫn không thanh toán nên bị đơn phải có nghĩa vụ trả lãi theo thỏa thuận. Hợp đồng của các bên được xác định là hợp đồng dân sự bởi vì bị đơn là cá nhân không có đăng ký kinh doanh được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự. Nếu bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán thì phải chịu trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền được quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

Cấp sơ thẩm đã áp dụng quy định mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 để chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn kể từ ngày 16/02/2019 đến ngày 16/7/2020 với số tiền 270.289.668 đồng là đúng quy định của pháp luật.

[4] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải phạt 8% trên số tiền 1.915.589.425 là 153.247.154 đồng là căn cứ vào khoản 6.2 Điều 6 của hợp đồng mua bán số 13/MDF1/2018-HĐ-CJVA ngày 16/10/2018. Điều khoản của hợp đồng trên quy định: “ Trong trường hợp bên B vi phạm thời hạn thanh toán được quy định tại hợp đồng này **hoặc** phụ lục hợp đồng này thì bên B phải chịu phạt là 2%/tháng đối với phần thanh toán trễ hạn đó, mức phạt tối đa là 8% giá trị thanh toán trễ hạn...”

Theo quy định trên thì bên B chỉ bị phạt một khi vi phạm hợp đồng hoặc phụ lục hợp đồng. Căn cứ theo khoản 6 Phụ lục hợp đồng số 02-13/MDF1/2018-HĐ-CJVA ngày 16/10/2018 quy định: “ Trong vòng 45 ngày liên tiếp từ ngày lấy hàng sau cùng nếu bên B không nhận hàng và không thanh toán công nợ đến hạn cho bên A thì mặc nhiên bên B đã vi phạm và đơn phương chấm dứt hợp đồng. Bên A có quyền không bán hàng và yêu cầu bên B thanh toán toàn bộ công nợ và lãi phát sinh cho bên A”

Như vậy theo hợp đồng số 13 chỉ quy định phạt hợp đồng một khi vi phạm hợp đồng **hoặc** phụ lục hợp đồng, không quy định chịu lãi suất còn phụ lục hợp đồng số 02-13 không quy định phạt hợp đồng mà chỉ quy định lãi suất nếu vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó việc vi phạm nghĩa vụ của bị đơn chỉ được áp dụng một trong hai hoặc là hợp đồng thì chịu phạt hợp đồng hoặc là phụ lục hợp đồng thì chỉ chịu phần lãi suất. Do đó nguyên đơn một lúc đề nghị áp dụng cả hai mức vừa phạt vừa phải

chịu lãi do chậm trả tiền của hợp đồng mua bán là chưa phù hợp là không đúng với hợp đồng và phụ lục hợp đồng như phần trên đã phân tích.

[5] Bị đơn cho rằng quá trình chăn nuôi gặp khó khăn, cũng như do tác động, ảnh hưởng của dịch bệnh nên chỉ đồng ý trả gốc, không đồng ý trả lãi là không phù hợp bởi lẽ, đây không phải là căn cứ mà pháp luật quy định để bị đơn được xem xét miễn các khoản nợ lãi. Đồng thời nguyên đơn cũng không đồng ý miễn lãi cũng như không chấp nhận cho bị đơn trả nợ gốc theo nhiều đợt.

Từ những phân tích trên, chỉ chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn.

Bản án tuyên thêm thời gian thi hành án được giải quyết tại Chi cục thi hành án là không cần thiết bởi lẽ, khi án có hiệu lực thì cơ quan thi hành án dân sự thi hành theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

Đối với lãi suất chậm trả khi thi hành án cần nên áp dụng Điều 13 Nghị quyết 01/20-29/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Do đó cần điều chỉnh lại cho đúng quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tuyên xử: Sửa bản án sơ thẩm.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH CJ VINA A.

Buộc bị đơn Bà Nguyễn Thị D có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH CJ Vina A số tiền mua thức ăn chưa thanh toán là 1.915.589.425 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 16/02/2019 đến ngày 16/7/2020 là: $1.915.589.425 \text{ đồng} \times 0.83\% / \text{tháng} \times 17 \text{ tháng} = 270.289.668 \text{ đồng}$. Tổng cộng số tiền bị đơn Bà D phải thanh toán cho nguyên đơn là 2.185.879.093 đồng (Hai tỷ một trăm tám mươi lăm triệu tám trăm bảy mươi chín ngàn không trăm chín mươi ba đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH CJ Vina A đòi bị đơn phải thanh toán tiền phạt hợp đồng là 153.247.154 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm là 14/8/2020 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu số tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Bà Nguyễn Thị D phải chịu 75.717.000 đồng.

Công ty TNHH CJ Vina A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm phần yêu cầu không được chấp nhận là 7.662.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 39.083.000 đồng theo biên lai số 011976 ngày 12/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thốt Nốt; Công ty TNHH CJ Vina A được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 31.421.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; hoàn trả lại cho Bà D 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 012354 ngày 25/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND.TPCT;
- TAND Q.Thốt Nốt;
- Chi cục THADS. Q.Thốt Nốt;
- Lưu (HS – 2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Trí Dũng